

Bản án số: 457/2022/HC-PT  
Ngày 21 tháng 6 năm 2022  
V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành  
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thúy Hồng.

*Các thẩm phán:* Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Quang Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Võ Thanh Sơn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2022/TLPT-HC ngày 08 tháng 02 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2021/HC-ST ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 864/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Xuân C, sinh năm 1940.

Nơi cư trú: Số 248 đường T, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

*Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn T, sinh 1960.

Nơi cư trú: Xóm 15, Thôn H1, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận (Theo văn bản ủy quyền lập ngày 16/6/2022), có mặt.

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Lê Tuấn P, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B, có văn bản xin vắng mặt.

*- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người bị kiện:* Ông Võ Văn L, chức vụ: Công chức Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận, có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, xin vắng mặt.

3.2. Ủy ban nhân dân huyện P, xin vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện P và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P: Ông Bùi Đắc Đ, chức vụ Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P, có mặt.*

### 3.3. Ủy ban nhân dân xã Chí Công, huyện P.

*Đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã Chí Công: Ông Nguyễn Trung H- Công chức địa chính xã Chí Công (theo văn bản ủy quyền ngày 16/6/2022), có mặt.*

### 4. Người kháng cáo: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B - Là người bị kiện.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 04/9/2017 và các lời khai bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện Ông Nguyễn Xuân C có Ông Nguyễn Văn T làm đại diện trình bày:*

Vào năm 2000 ông C có sang nhượng đất của ông Nguyễn Hữu N và bà Biều Thị B với diện tích 8.281,7m<sup>2</sup> đất trong đó có 2.140m<sup>2</sup> có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) và 5.160,0m<sup>2</sup> đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc đất do ông N và bà B khai hoang năm 1975, sản xuất nông nghiệp ổn định. Khi chuyển nhượng hai bên có làm giấy tay. Tuy nhiên ngày 27/4/2001 Ủy ban nhân dân huyện P ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông C với số tiền 5.400.000 đồng do chuyển nhượng đất trái phép diện tích 5.160,0m<sup>2</sup> đất, tiếp tục giao cho ông C sử dụng đất vào mục đích nuôi tôm.

Đến ngày 26/9/2011, Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Thuận ban hành Quyết định số 2319/QĐ-UBND thu hồi 6.752m<sup>2</sup> đất nuôi trồng thủy sản của hộ ông Nguyễn Xuân C để xây dựng công trình khu sản xuất giống thủy sản tập trung tại xã Chí Công, huyện P. Tiếp tục thực hiện dự án trên, ngày 25/8/2014, Ủy ban nhân dân huyện P ban hành quyết định số 6891/QĐ-UBND thu hồi 1.529,7m<sup>2</sup> đất nuôi trồng thủy sản của hộ ông Nguyễn Xuân C. Tổng diện tích đất thu hồi của hộ ông C là 8.281,7m<sup>2</sup>.

Ngày 10/7/2014, Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 6175/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Xuân C, trong đó: Bồi thường 2.140m<sup>2</sup> đất là 40.660.000 đồng, bồi thường thiệt hại về tài sản là 10.182.400 đồng, các khoản hỗ trợ là 201.370.000 đồng. Tổng số tiền là 252.212.400 đồng.

Ngày 15/01/2015, Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 50/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Xuân C 981,7m<sup>2</sup> là 16.198.050 đồng, các khoản hỗ trợ là 40.495.125 đồng, tổng số tiền là 56.693.175 đồng. Ngày 27/5/2015, Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 2726/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ 30% giá đất đối với diện tích 5.160m<sup>2</sup> cho hộ ông Nguyễn Xuân C với số tiền là 25.542.000 đồng. Ngày 07/8/2015, Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 3886/QĐ-UBND về việc hỗ trợ khác 30% công đào ao với số tiền là 23.409.432 đồng.

Không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ của Ủy ban nhân dân huyện P, ông C có đơn khiếu nại. Ngày 26/02/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 382/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông C. Không đồng ý ông C tiếp tục khiếu nại. Ngày 14/8/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 2345/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông C về việc bác đơn khiếu nại của ông C.

Ông Nguyễn Xuân C khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2345/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B. Đồng thời xem xét hủy Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 26/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban chủ tịch nhân dân huyện P về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Xuân C; buộc Ủy ban nhân dân huyện P phải bồi thường cho ông C số tiền thiệt hại về tài sản ngoài Danh mục 02 Quyết định số 05 và khoản mất thu nhập do ngừng sản xuất là 836.400.000 đồng.

- *Tại văn bản số 2313/UBND-NC ngày 11/6/2018 người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B có ý kiến:* Xin vắng mặt và đề nghị Tòa án không tiến hành đối thoại theo quy định tại Điều 135 Luật tổ tụng hành chính.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P trình bày:* Thống nhất với Quyết định số 2345/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Xuân C (lần 2). Người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 26/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông để giải tỏa thi công công trình Khu sản xuất giống tập trung tại xã Chí Công, huyện P là không có căn cứ. Vì Phần diện tích 5.160m<sup>2</sup> của hộ ông Nguyễn Xuân C không đủ điều kiện để được nhà nước bồi thường về đất vì đất lấn chiếm, vi phạm Điều 7 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP của Chính phủ, tại thời điểm ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 342/QĐ-UBND ngày 27/4/2001 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, ông C không khiếu nại và chấp hành quyết định này; toàn bộ diện tích đất thu hồi của hộ ông C thuộc vị trí 4.

Việc nâng mức hỗ trợ khác theo Công văn số 2174/UBND-ĐTQH ngày 12/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ khác đối với các hộ dân có đất thu hồi nhưng không đủ điều kiện bồi thường tại dự án xuất giống thủy sản tập trung xã Chí Công, huyện P là do Ủy ban nhân dân tỉnh đã vận dụng pháp luật hết mức cho phép, hết sức quan tâm đến quyền, lợi ích của người bị thu hồi đất. Do vậy, đề nghị Tòa án bác yêu cầu của người khởi kiện.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Chí Công có ông Nguyễn Trung Hiếu đại diện theo ủy quyền trình bày:* Thống nhất với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P. Đề nghị bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Xuân C.

*Tại bản án hành chính sơ thẩm số 26/2021/HC-ST ngày 02/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã Quyết định:*

Căn cứ Điều 3, Điều 6, Điều 30, khoản 3 Điều 32, Điều 116, các Điều 143, 157, 165, 173, 191, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 204, 206, Điều 348 của Luật Tổ tụng Hành chính.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân C.

1. Hủy Điều 1 của Quyết định số 2345/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Xuân C (lần 2).

2. Hủy Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 26/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải quyết khiếu nại của Ông Nguyễn Xuân C (lần đầu).

3. Hủy Quyết định số 6175/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải tỏa thi công công trình Khu sản xuất giống thủy sản tập trung xã Chí Công, huyện P.

4. Hủy Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 15/01/2015 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Xuân C để giải tỏa thi công công trình Khu sản xuất giống thủy sản tập trung xã Chí Công, huyện P.

5. Hủy Quyết định số 2726/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Xuân C để giải tỏa thi công công trình Khu sản xuất giống thủy sản tập trung xã Chí Công, huyện P.

6. Buộc Ủy ban nhân dân huyện P phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định đình chỉ xét xử đối với việc rút yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân C về việc đòi Ủy ban nhân dân huyện P bồi thường thiệt hại về tài sản ngoài danh mục 02 theo Quyết định số 05 và khoản mất thu nhập do ngừng sản xuất; về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 31/12/2022 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu xem xét giải quyết đối với nội dung: Diện tích 6.141,7m<sup>2</sup> đất thu hồi của hộ ông Nguyễn Xuân C đáp ứng 03 điều kiện của vị trí 1, đủ điều kiện xác định vị trí 2; diện tích 2.140m<sup>2</sup> đất thu hồi của hộ ông Nguyễn Xuân C đủ điều kiện để xác định vị trí 3 và đối với diện tích 5.160m<sup>2</sup> đất thu hồi của hộ ông C đủ điều kiện để được bồi thường, do ông C tự chuyển nhượng đất sử dụng không hợp pháp, đã có quyết định số 342/2011/QĐ-CT UBTP ngày 27/4/2001 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P xử phạt hành chính theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Nghị định 197/NĐ-CP Ngày 03/12/2004 của Chính phủ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân C.

- Người khởi kiện ông C đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân và chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P có ý kiến: Diện tích 6.141,7m<sup>2</sup> đất thu hồi của hộ ông Nguyễn Xuân C không đáp ứng 03 điều kiện của vị trí 1, nên không đủ điều kiện xác định vị trí 2; diện tích 2.140m<sup>2</sup> đất thu hồi của hộ ông Nguyễn Xuân C không đủ điều kiện để xác định vị trí 3 và đối với diện tích 5.160m<sup>2</sup> đất thu hồi của hộ ông C không đủ điều kiện để được bồi thường, do ông C tự chuyển nhượng đất sử dụng không hợp pháp, đã có quyết định số 342/2011/QĐ-CT UBTP ngày 27/4/2001 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P xử phạt hành chính theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Nghị định 197/NĐ-CP Ngày 03/12/2004 của Chính phủ. Đề nghị sửa án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Chí Công có ông Nguyễn Trung H đại diện theo ủy quyền ý kiến: Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử phúc thẩm và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính; đơn kháng cáo hợp lệ. Về nội dung kháng cáo: Xét thấy bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ. Do đó đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Đơn kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B đảm bảo đúng hình thức, trong thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Ông Nguyễn Xuân C khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2345/QĐ-UBND Ngày 14/8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Xuân C (lần 2). Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp, đối tượng khởi kiện và thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Xét trình tự, thủ tục và căn cứ ban hành Quyết định bị khởi kiện:

Ông C khai phần đất của hộ ông có nguồn gốc của ông Nguyễn Hữu N và bà Biều Thị B khai phá, sử dụng ổn định từ năm 1975 sau đó đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Xuân C. Ngày 27/4/2001 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 342/QĐ-CTUBND xử phạt hành chính đối với ông C về hành vi chuyển nhượng đất sử dụng không hợp pháp. Tuy nhiên trong Quyết định xử phạt hành chính Ủy ban nhân dân huyện P tiếp tục giao đất cho ông C sử dụng để nuôi trồng thủy sản.

Đến ngày 26/9/2011, Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Thuận ban hành Quyết định số 2319/QĐ-UBND thu hồi 6.752m<sup>2</sup> đất nuôi trồng thủy sản của hộ ông Nguyễn Xuân C để xây dựng công trình khu sản xuất giống thủy sản tập trung tại xã Chí Công, huyện P. Đến ngày 25/8/2014, Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 6891/QĐ-UBND thu hồi 1.529,7m<sup>2</sup> đất nuôi trồng thủy sản của hộ ông Nguyễn Xuân C. Tổng diện tích đất của hộ ông C bị thu hồi là 8.281,7m<sup>2</sup> để xây dựng công trình khu sản xuất giống thủy sản tập trung tại xã Chí Công, huyện P.

Ngày 10/7/2014, Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 6175/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Xuân C, trong đó: Bồi thường 2.140m<sup>2</sup> đất là 40.660.000 đồng, bồi thường thiệt hại về tài sản là 10.182.400 đồng, các khoản hỗ trợ là 201.370.000 đồng. Tổng số tiền là 252.212.400 đồng. Ngày 15/01/2015, Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 50/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Xuân C 981,7m<sup>2</sup> là 16.198.050 đồng, các khoản hỗ trợ là 40.495.125 đồng, tổng số tiền là 56.693.175 đồng. Ngày 27/5/2015, Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 2726/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ 30% giá đất đối với diện tích 5.160m<sup>2</sup> cho hộ ông Nguyễn Xuân C với số tiền là 25.542.000 đồng. Ngày 07/8/2015, Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 3886/QĐ-UBND về việc hỗ trợ khác 30% công đào ao

với số tiền là 23.409.432 đồng. Không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ của Ủy ban nhân dân huyện P đối với phần đất bị thu hồi, ông C có đơn khiếu nại. Ngày 26/02/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 382/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông C. Không đồng ý nên ông C tiếp tục khiếu nại. Ngày 14/8/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 2345/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai và bác đơn khiếu nại của ông C.

[3.1] Xét diện tích đất của ông C được bồi thường khi bị thu hồi đất để xây dựng công trình khu sản xuất giống thủy sản tập trung tại xã Chí Công, huyện P:

Phần đất của ông C bị thu hồi có tổng diện tích là 8.218,7m<sup>2</sup> thuộc khu vực Gành Rái, xã Chí Công, huyện P. Trong đó có 2.140m<sup>2</sup> ông C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên đủ điều kiện để bồi thường về đất khi bị thu hồi là căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Diện tích còn lại 5.160m<sup>2</sup>, cũng có nguồn gốc được ông C sang nhượng của ông N và bà B, tuy nhiên khi sang nhượng do phần đất chưa được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên hai bên chỉ làm giấy tay không có chứng thực của chính quyền địa phương. Vì vậy năm 2001 ông C bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P xử phạt hành chính do đã có hành vi chuyển nhượng đất đai trái phép (tự tiện chuyển nhượng đất sử dụng không hợp pháp) theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 6 của Nghị định 04/2001/NĐ-CP ngày 10/01/1997 của Chính phủ.

Theo khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 04/2001/NĐ-CP quy định: *“Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tự tiện chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất đang có tranh chấp hoặc chưa có giấy tờ hợp lệ”*. Như vậy, theo Quyết định số 342/QĐ-CT.UBND xử phạt hành chính đối với ông C về hành vi chuyển nhượng đất Việc ông C là do ông chuyển nhượng quyền sử dụng đất đang có tranh chấp hoặc chưa có giấy tờ hợp lệ. Tuy nhiên, theo quyết định cho phép ông C được tiếp tục sử dụng đất tạm thời vào mục đích nuôi tôm; buộc ông C lập các thủ tục đăng ký đất đai, xin thuê đất.

Trên thực tế, từ năm 2001 ông C vẫn tiếp tục sử dụng ổn định, liên tục để nuôi trồng thủy sản, trong quá trình dựng đất không có tranh chấp. Nên ông Nguyễn Xuân C đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 5.160m<sup>2</sup> theo quy định tại khoản 1 Điều 101 Luật đất đai 2013; điểm a khoản 5 Điều 20; điểm b khoản 2 Điều 21, khoản 4 Điều 22 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.

Như vậy, do ông C đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 5.160m<sup>2</sup> nên được bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 13 của Nghị định 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ: *“Khi nhà nước thu hồi đất của người sử dụng đất không có giấy tờ về quyền sử dụng, mà đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 101 và 102 của Luật đất đai, Điều 20, 21, 22 của nghị định 43/2014 thì được bồi thường về đất”*. Ngoài ra, tại khoản 2 Điều 77 Luật đất đai 2013 quy định: *“Đối với đất nông nghiệp đã sử dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhưng không có Giấy chứng nhận hoặc không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng, diện tích được bồi thường không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 của Luật này”*.

Ủy ban nhân dân huyện P thu hồi diện tích 5.160m<sup>2</sup> đất, nhưng không xem xét bồi thường về đất cho ông C là chưa phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai như phân tích trên.

[3.2] Xét vị trí đất bị thu hồi: Ủy ban nhân dân huyện P xác định đối với diện tích 8.218,7m<sup>2</sup> thu hồi của hộ ông Nguyễn Xuân C thuộc vị trí 4 theo Quyết định số 59/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh B do chỉ đáp ứng được 01 điều kiện do tiếp giáp đường giao thông rộng từ 06m trở lên.

Tuy nhiên, tại điểm b khoản 2 Điều 5 của quy định về Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Thuận áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2019 (Ban hành kèm theo Quyết định số 59/2014/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh B) quy định đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản được phân theo 5 vị trí:

Vị trí 1: Gồm các thửa đất đáp ứng được đủ 4 điều kiện: Nằm tiếp giáp các trục đường giao thông rộng từ 6m trở lên; Có khoảng cách tính theo đường vận chuyển tới khu dân cư hoặc điểm dân cư tập trung không quá 500m; Có độ phì từ mức trung bình trở lên; Chủ động được nước tưới tiêu từ 70% trở lên; Vị trí 2: Các thửa đất đáp ứng được 3 điều kiện của vị trí 1; Vị trí 3: Các thửa đất đáp ứng được 2 điều kiện của vị trí 1; Vị trí 4: Các thửa đất đáp ứng được 1 điều kiện của vị trí 1; Vị trí 5: Các thửa đất không đáp ứng được điều kiện nào của vị trí 1; Độ phì của các khu vực được áp dụng theo quyết định phê duyệt kết quả phân loại độ phì của Ủy ban nhân dân tỉnh. Trường hợp thửa đất chưa có kết quả phân loại độ phì, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan khảo sát, xác định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/9/2018 (BL số 208) xác định đất bị thu hồi của hộ ông C có vị trí: giáp đường nhựa ĐT 716 rộng hơn 6 mét; vị trí đất của ông C bị thu hồi cách khu vực Rãnh Rái không quá 250m, cách khu vực dân cư sinh sống (khoảng 20 hộ dân có nhiều hộ sinh sống trên 40 năm) không quá 500 mét. Ngoài ra, phần đất của ông C sử dụng nuôi tôm, ông C cho rằng ông phải hòa nước mặn với nước ngọt mới đủ điều kiện nuôi tôm bằng nước lợ, nên có căn cứ xác định thửa đất của ông C bị thu hồi đáp ứng điều kiện chủ động nước tưới tiêu từ 70% trở lên.

Đối chiếu với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 của quy định về Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Thuận áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2019 (Ban hành kèm theo Quyết định số 59/2014/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh B) có căn cứ xác định phần đất của ông C bị thu hồi đáp ứng được 03 điều kiện của vị trí 1 là nằm tiếp giáp các trục đường giao thông rộng từ 6 mét trở lên; Có khoảng cách tính theo đường vận chuyển tới khu dân cư hoặc điểm dân cư tập trung không quá 500m; Chủ động được nước tưới tiêu từ 70% trở lên theo quy định tại Quyết định số 59/2014/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh B. Riêng về độ phì của thửa đất thì chưa có kết quả phân loại độ phì do cơ quan chuyên môn khảo sát, xác định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Như vậy, Ủy ban nhân dân huyện P bồi thường đất của hộ ông C bị thu hồi theo đơn giá đất ở vị trí 4 là chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.3] Không đồng ý với việc diện tích và vị trí đất được bồi thường, ông C khiếu nại và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 26/02/2016 giải quyết khiếu nại (lần đầu) không chấp nhận việc khiếu nại của ông C là

chưa phù hợp với quy định của pháp luật và làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông C.

Do đó xét Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành QĐ số 2345/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 không chấp nhận khiếu nại của ông C là chưa đủ căn cứ.

Tuy nhiên, việc ông Nguyễn Xuân C khởi kiện yêu cầu bồi thường đất vị trí 1 đối với diện tích 8.281,7m<sup>2</sup> đất là chưa có căn cứ. Vì vậy Bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông C, tuyên xữ hủy Điều 1 Quyết định số 2345/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận; Quyết định 382/QĐ-UBND ngày 26/02/2016 giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch UBND huyện P và hủy các quyết định có liên quan gồm Quyết định số 6175/QĐ-UBND Ngày 10/7/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải tỏa thi công công trình Khu sản xuất giống thủy sản tập trung xã Chí Công, huyện P; Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 15/01/2015 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Xuân C để giải tỏa thi công công trình Khu sản xuất giống thủy sản tập trung xã Chí Công, huyện P; Quyết định số 2726/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Xuân C để giải tỏa thi công công trình Khu sản xuất giống thủy sản tập trung xã Chí Công, huyện P và buộc Ủy ban nhân dân huyện P phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật là có căn cứ, đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B không xuất trình được chứng cứ mới cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B là có căn cứ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định trên.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về đình chỉ xét xử đối với việc rút yêu cầu khởi kiện của ông C về việc đòi Ủy ban nhân dân huyện P bồi thường thiệt hại về tài sản ngoài danh mục 02 theo Quyết định số 05 và khoản mất thu nhập do ngừng sản xuất; về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;



Không chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số: 26/2021/HC-ST ngày 02-12-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân C:

2.1. Hủy Điều 1 của Quyết định số 2345/QĐ-UBND Ngày 14/8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Xuân C (lần 2) và hủy các quyết định gồm: Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 26/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Xuân C (lần đầu); Quyết định số 6175/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải tỏa thi công công trình Khu sản xuất giống thủy sản tập trung xã Chí Công, huyện P; Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 15/01/2015 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Xuân C để giải tỏa thi công công trình Khu sản xuất giống thủy sản tập trung xã Chí Công, huyện P; Quyết định số 2726/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Xuân C để giải tỏa thi công công trình Khu sản xuất giống thủy sản tập trung xã Chí Công, huyện P.

2.2. Buộc Ủy ban nhân dân huyện P phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0008190 ngày 21/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận. Đương sự đã nộp đủ.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về đình chỉ xét xử đối với việc rút yêu cầu khởi kiện của ông C về việc đòi Ủy ban nhân dân huyện P bồi thường thiệt hại về tài sản ngoài danh mục 02 theo Quyết định số 05 và khoản mất thu nhập do ngừng sản xuất; về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM ;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**